

Thứ ba, ngày 10 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giảm điểm về cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/11/2020		•	
Tuần 9/11-13/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng đã đột ngột quay đầu giảm điểm vào cuối phiên. Dòng tiền đầu tư suy giảm khi chỉ còn 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên sàn HSX nhưng đã mua ròng trở lại trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường gia tăng so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái cân bằng cho thấy áp lực chốt lời đang lớn dần khi chỉ số tiến về những vùng cao điểm. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể tiếp tục duy trì trạng thái dưới ngưỡng 960 trong một vài phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2011, các HĐTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 905 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_2.8%

Phân tích kỹ thuật: PVS_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.09** điểm, đóng cửa **951.9**. HNX-Index **-0.24** điểm, đóng cửa **141.37**.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+1.15); VCB (+0.83); GAS (+0.76); HVN (+0.6); VRE (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.52); SAB (-0.3); MSN (-0.13); LPB (-0.1); VHM (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,347** tỷ đồng, **+18.36%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 11.57 điểm. Thị trường có **227** mã tăng, 63 mã tham chiếu và **203** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-764.08** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-187.2 tỷ), MSN (-132.7 tỷ) và VNM (-122 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **14.09** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **951.90**
Giá trị: 8347.59 tỷ **-0.09 (-0.01%)**
Khối ngoại (ròng): -764.08 tỷ

HNX-INDEX **141.37**
Giá trị: 480.7 tỷ **-0.24 (-0.17%)**
Khối ngoại (ròng): 14.09 tỷ

UPCOM-INDEX **64.16**
Giá trị: 0.59 tỷ **0.14 (0.22%)**
Khối ngoại(ròng): 4.32 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.4	0.32%
Giá vàng	1,889	1.38%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,394	-0.59%
Tỷ giá JPY/VND	22,063	0.36%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	13.44%
LS TPCP 5 năm	1.4%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	124.5	HPG	-187.2
VJC	23.3	MSN	-132.7
BVH	18.1	VNM	-122.0
DGW	7.9	CTG	-106.3
PVD	7.5	MBB	-57.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_2.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	2.8%	3.8%	8.9%	7.2%	29.2%	30.1%	28.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.2%	3.6%	6.6%	10.0%	29.4%	21.4%	30.1%
Dầu khí	1.7%	3.0%	4.8%	-1.4%	10.9%	-15.2%	37.9%
Corona Avengers	1.7%	4.9%	8.7%	6.5%	24.3%	19.8%	33.6%
Cổ phiếu ngành Dược	1.3%	2.3%	3.4%	4.3%	19.1%	9.1%	20.8%
Stay-at-home	0.9%	3.3%	10.0%	8.0%	30.6%	36.6%	32.5%
Lãi suất giảm	0.8%	4.2%	11.1%	9.0%	34.4%	30.2%	31.6%
Đầu tư công	0.8%	4.4%	7.7%	6.1%	32.5%	25.0%	25.2%
Chiến tranh thương mại	0.4%	3.1%	6.1%	7.4%	32.0%	14.2%	30.1%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	3.0%	3.4%	6.4%	27.6%	24.7%	28.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.2%	1.4%	2.9%	1.5%	17.0%	3.5%	24.4%
Nước & Năng lượng	0.2%	1.7%	2.8%	-0.8%	15.1%	3.5%	25.1%
Hàng tiêu dùng	0.2%	2.3%	8.0%	15.0%	36.0%	24.8%	28.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	1.8%	3.3%	2.1%	21.5%	24.2%	21.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	1.8%	2.7%	8.9%	19.0%	3.0%	24.6%
FTSE Việt Nam	-0.2%	1.1%	1.2%	5.5%	15.3%	2.9%	24.7%
VN FinSelect	-0.2%	1.4%	3.0%	2.9%	16.5%	3.9%	29.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.3%	1.2%	2.8%	2.5%	16.7%	3.8%	30.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	1.8%	2.9%	9.0%	27.3%	13.1%	26.8%
Xây dựng	-0.3%	2.4%	6.4%	4.0%	27.6%	17.9%	29.9%
Ngân Hàng	-0.4%	0.8%	2.8%	6.8%	29.1%	17.9%	32.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.4%	0.5%	1.6%	4.2%	20.3%	5.5%	27.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	1.3%	2.8%	5.8%	24.5%	5.3%	29.2%
VN Diamond	-0.5%	1.3%	2.8%	4.6%	20.4%	-1.0%	30.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.6%	0.9%	2.6%	6.8%	23.4%	-1.0%	31.3%
EVFTA	-0.8%	3.2%	6.8%	4.6%	5.6%	5.6%	19.8%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	0.7%	2.2%	4.7%	8.5%	27.4%	26.5%	25.3%
S32	0.5%	2.7%	5.7%	10.5%	28.9%	4.5%	33.1%
M31	0.3%	1.6%	3.4%	6.1%	25.9%	9.3%	29.9%
L11	0.3%	1.0%	1.5%	2.6%	18.4%	5.1%	24.0%
L22	0.2%	0.9%	2.7%	3.2%	23.3%	4.7%	27.2%
S21	0.2%	2.2%	3.6%	5.0%	27.1%	9.8%	27.2%
M22	-0.1%	1.6%	2.9%	4.6%	19.0%	12.8%	25.4%
M12	-0.1%	1.1%	3.1%	6.2%	18.9%	5.9%	25.1%
L32	-0.3%	2.1%	4.0%	12.6%	29.1%	4.2%	30.3%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.5%	1.7%	4.2%	6.4%	27.7%	23.3%	25.1%
HIGH3	0.3%	2.0%	3.2%	7.3%	24.1%	7.7%	28.1%
LOW1	-0.2%	0.9%	2.5%	3.4%	15.2%	3.4%	25.1%

INDEX							
VNINDEX	0.0%	1.5%	2.9%	5.2%	15.4%	-0.9%	23.9%
VN30INDEX	-0.1%	1.5%	2.7%	6.8%	18.9%	4.3%	25.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	14	12	17	9	17	9
Mục tiêu	9	6	3	6	3	7	2
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 10/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.90	-0.97%	5.90%	-2.50%	-25.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.11	-0.68%	6.00%	-2.80%	-26.03%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	115.03	-0.90%	6.80%	-2.50%	-22.54%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1878.74	0.84%	-1.60%	-2.70%	28.51%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.20	0.40%	-0.10%	-3.80%	42.19%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1109.00	-0.14%	4.20%	4.10%	15.37%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	594.75	-0.46%	-2.20%	0.20%	10.29%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.46	1.12%	-1.40%	21.60%	34.98%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	202.84	-0.69%	-7.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.88	-0.20%	-0.60%	5.00%	9.82%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.55	0.09%	4.00%	-2.70%	-11.58%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6916.00	-0.44%	2.30%	3.50%	17.65%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	583.05	0.71%	4.80%	8.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	600.29	0.29%	3.70%	7.40%			
Nhôm	USD/ton	1893.50	-0.42%	1.50%	4.90%	6.44%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	126.26	3.08%	6.50%	2.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	62.15	-0.32%	2.60%	2.60%	-16.52%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 2.95 USD hay 7.48% lên 42,40 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 3.15 USD hay 8.48% lên 40.29 USD/thùng. Cả hai hợp đồng này đều tăng hơn 4 USD trong đầu phiên giao dịch.
- Công ty Pfizer cho biết vaccine thử nghiệm của họ đạt hiệu quả ngăn cản Covid-19 tới hơn 90%.
- Saudi Arabia cho biết thỏa thuận sản lượng dầu mỏ của OPEC+ có thể được điều chỉnh để cân bằng thị trường. Bộ trưởng Năng lượng của vương quốc này cho biết thỏa thuận của OPEC+ về cắt giảm sản lượng có thể được điều chỉnh nếu có sự đồng thuận giữa các thành viên của tổ chức này, làm tăng triển vọng nguồn cung thắt chặt hơn và giá dầu tăng

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 4.8% xuống 1,857.61 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 5% xuống 1,854.4 USD/ounce. Giá vàng giảm hơn 4% do tin tức việc thử nghiệm vaccine Covid-19 giai đoạn cuối thành công đã thúc đẩy các nhà đầu tư bán vàng và chuyển sang các tài sản khác rủi ro hơn.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng khoảng 4.8% lên 827 CNY (125.87 USD) trước khi đóng cửa tăng 3.6% lên 818 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 2.3% lên 3,859 CNY/tấn và thép cuộn cán nóng tăng 1.7% lên 3,983 CNY/tấn.
- Tỉnh Hồ Bắc – tỉnh sản xuất thép hàng đầu của Trung Quốc – đã ban hành cảnh báo khói bụi màu da cam – mức cao thứ 2 trong hệ thống báo động ô nhiễm 4 mức – với dự đoán ô nhiễm gia tăng trong tuần tới, ra lệnh cho một số nhà máy cắt giảm hoạt động.
- Dự trữ quặng sắt ở cảng tiếp tục tăng, bởi việc nhập khẩu từ các công ty khai thác và tiêu thụ mạnh ở Trung Quốc. Dự trữ tăng 1.4% lên 130.8 triệu tấn so với một tuần trước, theo số liệu của công ty tư vấn SteelHome.
- Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong tháng 10 giảm 1.7% so với tháng trước xuống 106.74 triệu tấn, trong khi xuất khẩu sản phẩm thép phục hồi.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka giảm 6.9 JPY hay 3.1% xuống 215.4 JPY (2.08 USD)/kg.Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 5.1% xuống 14,240 CNY/tấn.
- Một cuộc thăm dò của Reuters với 485 công ty lớn và vừa tại Nhật Bản cho thấy họ lo ngại về ảnh hưởng kéo dài của Covid-19 và phản hồi tiêu cực nhiều hơn phản ứng tích cực, mặc dù đã bớt bi quan hơn trước đó

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE giảm 0.1 US cent hay 0.09% xuống 1.0685 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London giảm 3 USD hay 0.23% xuống 1,347 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.03 US cent hay 0.21% xuống 14.88 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 0.1 USD hay 0.3% lên 400.4 USD/tấn.

	10/11	% 10/11	9/11	% 9/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	951.90	-0.01%	951.99	1.46%	1.76%	3.02%
S&P 500			3550.50	1.17%	7.26%	3.01%
HĐTL S&P500	3547.25	0.09%	3544.00	1.24%	5.53%	2.13%
Shang- hai	3360.15	-0.40%	3373.73	1.86%	2.72%	2.69%
Euro Stoxx	3421.86	0.41%	3407.91	6.36%	10.43%	4.54%

Phân tích kỹ thuật

PVS_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: PVS đang quay trở lại xu hướng tăng giá trung hạn từ đầu tháng 8 đến nay sau khi có giai đoạn điều chỉnh vào cuối tháng 10. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo RSI chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của PVS nằm tại xung quanh giá 14. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 16, cắt lỗ nếu ngưỡng 13.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

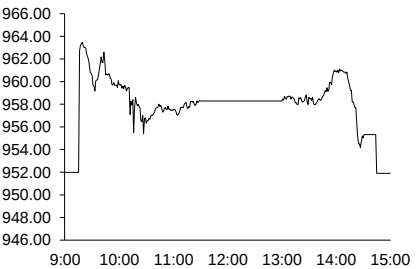
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Thực phẩm và đồ uống	-0.80%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.78%
Tài nguyên Cơ bản	-0.78%
Công nghệ Thông tin	-0.56%
Truyền thông	-0.48%
Ngân hàng	-0.40%
Ô tô và phụ tùng	-0.30%
Bất động sản	-0.29%
Xây dựng và Vật liệu	-0.04%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.33%
Bán lẻ	0.48%
Y tế	0.58%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.62%
Bảo hiểm	0.74%
Viễn thông	0.81%
Dầu khí	1.20%
Hóa chất	1.45%
Dịch vụ tài chính	1.58%
Du lịch và Giải trí	5.78%

Hình 1

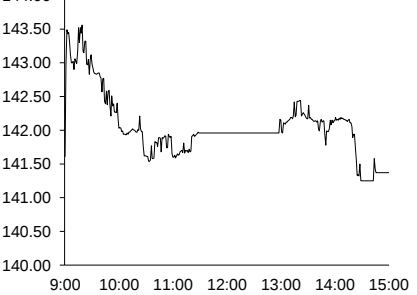
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

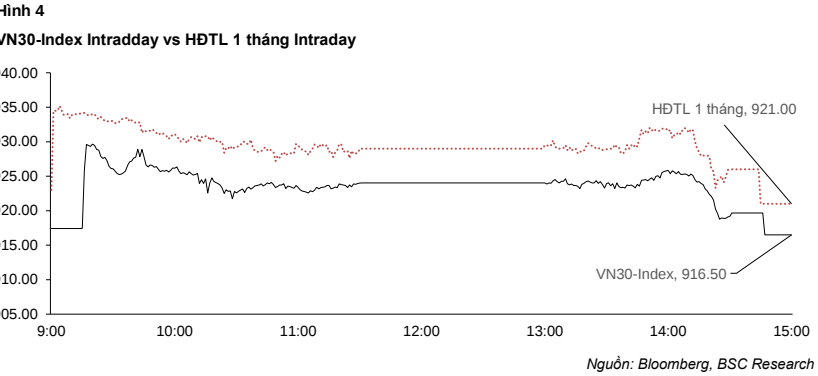
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/9/2020	TNG	13.3	17	12	13.1	1	-1.50%	Có thể tiếp tục mua
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	12.75	4	1.19%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	24.75	5	5.54%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	15.8	7	1.94%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	24.8	8	1.22%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	106	11	1.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/29/2020	IMP	49	58	46	53	12	8.16%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	40	13	1.34%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.45	14	0.62%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24.35	19	-1.02%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	49.15	20	6.85%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	53	25	-0.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15.8	40	3.27%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.5	42	-1.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.05	46	-2.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.65	49	1.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.35	50	3.61%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	53.5	54	0.38%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.7	57	4.57%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.75	60	2.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	24.95	61	4.83%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.1	75	-5.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.8	92	0.90%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	37.5	139	22.19%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.4	147	3.34%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	TP	26	13.27%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	19	6	3.98%	-2.04%	2.54%	42
Cổ phiếu đã chốt	50	35	12.23%	-7.57%	4.08%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	921.00	-0.22%	4.50	32.5%	130,274	11/19/2020	11
VN30F2012	921.90	0.10%	5.40	-1.3%	532	12/17/2020	39
VN30F2103	921.00	0.36%	4.50	-16.4%	46	3/18/2021	130
VN30F2106	918.90	0.17%	2.40	-40.6%	38	6/17/2021	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −0.92 điểm, xuống 916.50 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HPG, VIC, CTG, VHM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng mạnh trong phiên ATO lên gần 930, tích lũy quanh 925 điểm trong phần lớn thời gian giao dịch, trước khi điều chỉnh giảm mạnh cuối phiên chiều xuống dưới mốc tham chiếu. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 915-925 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2011, các HĐTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 905 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC2005	2/8/2021	90	10:1	1,695,290	30.22%	2,000	2,070	55.64%	1,611	1.28	120,000	100,000	113,400
CVRE2012	4/1/2021	142	4:1	1,321,950	43.19%	1,300	960	9.09%	795	1.21	31,700	26,500	26,700
CHPG2023	1/12/2021	63	1:1	667,250	37.37%	2,100	4,000	8.11%	3,741	1.07	30,600	28,500	31,300
CVHM2007	2/8/2021	90	5:1	383,600	38.18%	2,900	1,850	7.56%	1,501	1.23	89,500	75,000	77,400
CHPG2014	4/19/2021	160	1:1	110,240	37.37%	7,200	14,000	6.95%	6,256	2.24	33,700	26,500	31,300
CHDB2007	4/27/2021	168	4:1	531,620	39.82%	1,300	1,580	4.64%	414	3.81	26,363	21,363	25,500
CSTB2004	11/30/2020	20	1:1	394,640	45.14%	1,400	2,800	3.70%	2,639	1.06	12,400	11,000	13,600
CSTB2007	4/27/2021	168	20:1	443,160	45.14%	1,500	1,920	2.67%	1,717	1.12	13,999	10,999	13,600
CTCB2010	4/1/2021	142	2:1	439,740	38.00%	2,000	1,660	2.47%	1,286	1.29	25,500	21,500	22,100
CHPG2018	5/14/2021	185	4:1	796,090	37.37%	1,200	1,420	2.16%	1,078	1.32	34,799	29,999	31,300
CHPG2002	12/16/2020	36	2:1	273,150	37.37%	1,700	4,270	0.23%	1,133	3.77	33,399	29,999	31,300
CHPG2016	1/14/2021	65	2:1	491,480	37.37%	2,200	5,660	0.00%	2,258	2.51	31,900	27,500	31,300
CVHM2009	4/1/2021	142	10:1	995,410	38.18%	1,400	1,360	0.00%	1,088	1.25	86,000	72,000	77,400
CMWG2010	1/14/2021	65	10:1	483,130	41.91%	1,400	2,710	0.00%	2,517	1.08	94,672	80,865	106,000
CHPG2010	4/5/2021	146	4:1	578,140	37.37%	1,800	2,060	-0.48%	612	3.37	40,300	33,100	31,300
CSTB2010	6/11/2021	213	10:1	428,400	45.14%	1,100	1,650	-0.60%	1,430	1.15	14,199	11,999	13,600
CHPG2021	4/1/2021	142	2:1	829,190	37.37%	2,400	3,900	-1.02%	3,625	1.08	29,800	25,000	31,300
CVNM2013	4/1/2021	142	10:1	854,740	31.86%	1,900	1,540	-4.94%	1,127	1.37	123,000	104,000	107,500
CHPG2019	12/18/2020	38	5:1	241,950	37.37%	1,630	3,650	-5.19%	3,667	1.00	27,360	24,100	31,300
CVNM2008	1/14/2021	65	8:1	309,810	31.86%	1,800	2,160	-6.09%	355	6.09	108,285	93,519	107,500
Tổng				12,268,980	38.38%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CVJC2005 và CHDB2003 tăng mạnh lần lượt là 55.64% và 20.83%. Trái lại, CMSN2006 và CKDH2002 giảm mạnh lần lượt là -18.08% và -10.30%. Giá trị giao dịch tăng 30.88%. CVJC2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.19% thị trường.
- CMSN2006, CPNJ2007, CSTB2008, CMSN2001, và CVPB2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2010, CMWG2007, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.0	0.3%	1.2	2,086	4.2	8,517	12.4	3.2	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	73.0	-1.4%	1.2	715	3.6	4,592	15.9	3.4	48.9%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	53.5	1.1%	1.5	1,727	2.3	1,731	30.9	2.0	28.4%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	29.0	-0.7%	0.3	282	0.0	2,729	10.6	1.0	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	105.6	-0.5%	0.8	15,530	3.6	2,660	39.7	4.2	13.8%	11.0%
VRE	Bất động sản	26.7	2.3%	1.1	2,638	13.3	1,001	26.7	2.1	29.8%	8.1%
VHM	Bất động sản	77.4	-0.8%	1.2	11,070	12.4	6,895	11.2	3.4	21.9%	35.4%
DXG	Bất động sản	12.8	-1.2%	1.4	287	4.1	(151)	N/A	N/A	36.1%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.7	1.1%	1.3	462	6.8	1,834	9.7	1.1	49.8%	11.5%
VCI	Chứng khoán	40.5	4.9%	1.0	292	5.9	3,770	10.7	1.7	26.8%	15.9%
HCM	Chứng khoán	22.8	2.2%	1.6	302	6.3	1,705	13.3	1.6	48.8%	11.8%
FPT	Công nghệ	53.0	-0.7%	0.8	1,806	4.1	4,236	12.5	2.8	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	51.5	1.2%	0.4	613	0.0	4,812	10.7	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.2	1.1%	1.4	6,008	4.1	4,752	15.2	3.0	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	48.9	0.7%	1.5	2,589	2.3	682	71.6	2.9	16.0%	4.3%
PVS	Dầu khí	14.3	4.4%	1.5	297	9.4	1,621	8.8	0.5	10.1%	6.3%
BSR	Dầu khí	6.9	1.5%	0.8	930	1.2	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	102.9	-1.1%	0.5	585	0.0	5,405	19.0	4.0	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.5	-1.7%	0.4	297	3.3	2,011	8.7	0.9	12.1%	10.4%
DCM	Hóa chất	12.7	-3.1%	0.5	291	2.3	872	14.5	1.0	3.8%	7.4%
VCB	Ngân hàng	85.1	-0.5%	1.1	13,723	5.7	4,630	18.4	3.4	23.6%	19.7%
BID	Ngân hàng	39.4	0.4%	1.3	6,890	2.3	2,126	18.5	2.0	17.3%	12.5%
CTG	Ngân hàng	30.6	-1.1%	1.2	4,954	11.7	2,948	10.4	1.4	29.3%	14.0%
VPB	Ngân hàng	23.8	-0.4%	1.2	2,517	5.2	4,111	5.8	1.2	23.2%	22.2%
MBB	Ngân hàng	18.1	-0.8%	1.1	2,182	5.4	2,995	6.0	1.1	26.4%	20.0%
ACB	Ngân hàng	25.3	-0.4%	0.9	2,378	9.8	3,109	8.1	1.7	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	56.0	2.8%	0.8	199	0.7	6,186	9.1	1.9	80.8%	20.7%
NTP	Nhựa	32.9	-0.6%	0.4	168	0.0	3,820	8.6	1.4	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	16.0	0.0%	0.4	688	0.1	356	44.9	1.3	1.7%	2.9%
HPG	Thép	31.3	-0.6%	1.2	4,509	28.5	3,241	9.7	1.9	33.6%	21.3%
HSG	Thép	17.2	-2.5%	1.5	332	10.6	2,591	6.6	1.2	10.1%	19.1%
VNM	Tiêu dùng	107.5	-1.2%	0.8	9,767	10.8	4,784	22.5	7.7	58.0%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	182.0	-0.9%	0.8	5,074	0.9	6,312	28.8	5.9	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	95.4	-0.2%	1.1	4,872	14.5	2,067	46.2	5.5	34.4%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	15.8	-0.6%	0.9	403	2.2	702	22.5	1.3	5.8%	5.5%
ACV	Vận tải	65.9	4.4%	0.8	6,238	3.0	3,450	19.1	3.9	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	113.4	7.0%	1.1	2,583	3.4	(1,528)	N/A	N/A	17.4%	-5.6%
HVN	Vận tải	27.5	5.8%	1.7	1,696	4.2	(7,345)	N/A	N/A	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	25.0	0.2%	0.9	322	1.5	1,179	21.2	1.3	49.0%	5.8%
PVT	Vận tải	14.2	0.7%	1.2	174	2.3	1,966	7.2	0.9	17.3%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.2	0.3%	1.0	507	0.7	8,260	9.1	3.5	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.1	-0.4%	0.7	450	0.1	1,411	16.4	1.6	7.7%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	0.6%	0.9	271	0.9	1,762	9.3	1.1	5.9%	11.9%
CTD	Xây dựng	61.0	4.8%	1.0	202	4.7	7,504	8.1	0.6	46.3%	6.9%
CII	Xây dựng	16.7	-0.3%	0.3	173	0.7	114	145.9	0.8	31.6%	0.5%
REE	Điện	42.3	0.6%	-1.4	570	0.6	4,599	9.2	1.2	49.0%	13.7%
PC1	Điện	24.4	0.4%	-0.4	169	0.6	2,689	9.1	1.0	14.2%	11.8%
POW	Điện	10.0	-0.5%	0.6	1,018	2.4	679	14.7	0.8	9.6%	5.8%
NT2	Điện	23.1	1.5%	0.6	289	0.2	2,103	11.0	1.6	19.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	14.4	-0.3%	0.8	293	1.3	879	16.3	0.7	18.0%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	39.5	0%	1.0	1,778	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.7	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	113.40	6.98	1.13	694840
HVN	27.50	5.77	0.60	3.52MLN
GVR	15.80	2.60	0.45	6.15MLN
GAS	72.20	1.12	0.43	1.27MLN
VRE	26.70	2.30	0.39	11.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-0.76	2.30MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.57	3.63MLN	607060
VIC	0.00	-0.48	781980.00	373600
VCB	0.00	-0.42	1.51MLN	192700
CTG	0.00	-0.37	8.71MLN	611640

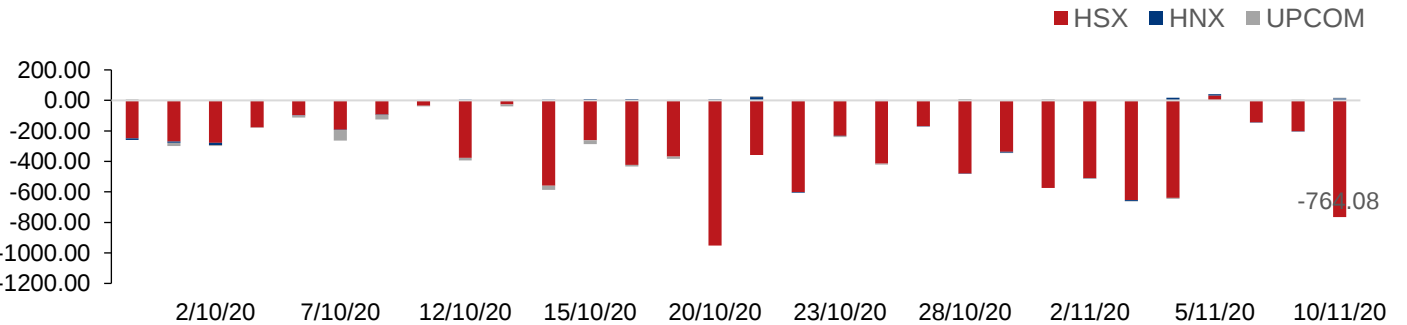
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	113.40	6.98	1.13	694840.00
COM	51.50	6.96	0.01	5670
CMV	13.20	6.88	0.00	10
AST	51.30	6.88	0.04	464250
TCR	3.42	6.88	0.00	70

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TLD	8.14	-6.97	-0.01	1.49MLN
HRC	45.60	-6.94	-0.03	50
VAF	9.18	-6.90	-0.01	8670.00
PNC	8.21	-6.70	0.00	500
TNA	13.00	-6.47	-0.01	167990

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	106.0	8,517	12.4	3.2	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.7	885	9.8	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.6	5,130	8.5	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.5	2,066	11.8	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	31.3	3,241	9.7	1.9	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.3	2,627	10.4	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.8	4,111	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.9	13,673	3.1	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	95.4	2,067	46.2	5.5	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	45.4	5,316	8.5	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	17.2	2,591	6.6	1.2	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.8	5,479	8.2	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	25.9	1,816	14.3	2.1	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	31.3	3,241	9.7	1.9	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.1	3,258	6.8	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	73.0	4,592	15.9	3.4	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	109.0	4,105	26.6	9.4	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	12.8	-151	#N/A N/A	1.0	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	24.5	1,928	12.7	1.5	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.8	6,870	3.6	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.5	4,752	5.8	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	68.0	5,241	13.0	2.8	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	85.1	4,630	18.4	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.3	3,109	8.1	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.6	5,130	8.5	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	60.8	3,674	16.5	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	53.0	4,236	12.5	2.8	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	25.0	1,179	21.2	1.3	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.4	879	16.3	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	182.0	6,312	28.8	5.9	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.5	2,066	11.8	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.5	4,784	22.5	7.7	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.2	1,412	7.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	106.0	8,517	12.4	3.2	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.2	1,918	10.5	1.5	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.9	5,405	19.0	4.0	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.2	1,966	7.2	0.9	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	73.0	4,592	15.9	3.4	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.8	4,313	7.6	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	246.5	14,782	16.7	6.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Bản công bố rủi ro [Link](#)

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype 

Room tư vấn Zalo 

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639